

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước tương ứng với các cấp báo động (m)			Báo động trên địa bàn các xã, phường ven đề
			I	II	III	
1	Sông Đà	Sơn Đà	16,0	17,0	18,0	Ba Vì, Bất Bạt
2		Trung Hà	15,0	16,0	17,0	Vật Lại, Cổ Đô
3	Sông Hồng	Sơn Tây	12,4	13,4	14,4	Cổ Đô, Vật Lại, Quảng Oai, Minh Châu, Sơn Tây, Phúc Lộc, Hát Môn, Liên Minh, Ô Diên, Yên Lãng, Mê Linh
4	Sông Hồng	Hà Nội (Long Biên)	9,5	10,5	11,5	Thượng Cát, Đông Ngạc, Phú Thượng, Hồng Hà, Lĩnh Nam, Thanh Trì, Nam Phù, Thiên Lộc, Vĩnh Thanh, Đông Anh, Bồ Đề, Long Biên, Bát Tràng
5		An Cảnh	7,2	8,2	9,1	Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên, Đại Xuyên
6	Sông Đuống	Thượng Cát	9,0	10,0	11,0	Đông Anh, Phù Đổng, Bồ Đề, Việt Hưng, Phúc Lợi, Gia Lâm, Thuận An
7	Sông Đáy	Ba Thá	5,5	6,5	7,5	Hát Môn, Quốc Oai, Hưng Đạo, Chương Mỹ, Quảng Bị, Hoà Phú, Phúc Sơn, Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hương Sơn, Đan Phượng,

STT	Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước tương ứng với các cấp báo động (m)			Báo động trên địa bàn các xã, phường ven đê
			I	II	III	
						Dương Hoà, Sơn Đồng, An Khánh, Yên Nghĩa, Bình Minh, Thanh Oai, Dân Hoà, Ứng Thiên, Vân Đình, Hoà Xá
8	Sông Cầu	Lương Phúc	6,0	7,0	8,0	Trung Giã, Đa Phúc
9	Sông Cà Lồ	Mạnh Tân	6,0	7,0	8,0	Sóc Sơn, Đa Phúc, Thư Lâm, Phúc Thịnh, Quang Minh, Tiến Thắng, Nội Bài
10	Sông Tích	Kim Quan	6,8	7,6	8,4	Sơn Tây, Phúc Thọ, Thạch Thất, Hạ Bằng
11		Vĩnh Phúc	6,4	7,2	8,0	Hạ Bằng, Kiều Phú, Phú Nghĩa
12	Sông Bùi	Yên Duyệt	6,0	6,5	7,0	Xuân Mai, Phú Nghĩa, Trần Phú, Quảng Bị, Hoà Phú, Phúc Sơn
13	Sông Mỹ Hà	Hòa Lạc	5,5	6,0	6,5	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hương Sơn
14	Sông Nhuệ	Đồng Quan	4,0	4,4	4,7	Thượng Cát, Đông Ngạc, Phú Diễn, Từ Liêm, Xuân Phương, Tây Mỗ, Đại Mỗ, Hà Đông, Kiến Hưng, Đại Thanh, Bình Minh, Ngọc Hồi, Tam Hưng, Thường Tín, Thượng Phúc, Dân Hoà, Phượng Dực, Chuyên Mỹ, Ứng Hoà

